

PHỤ LỤC 2

Hướng dẫn chi tiết triển khai thanh tra, kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm trong dịp Tết Canh Tý và mùa Lễ Hội Xuân năm 2020

(Kèm theo kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2019 của UBND tỉnh)

Căn cứ yêu cầu công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Canh Tý và Lễ hội Xuân 2020, UBND tỉnh hướng dẫn chi tiết việc triển khai công tác thanh tra, kiểm tra ATTP trong dịp Tết Canh Tý và mùa Lễ Hội Xuân năm 2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Đánh giá công tác quản lý nhà nước về bảo đảm ATTP của các cấp, các ngành từ tuyến tỉnh, huyện đến xã theo Luật an toàn thực phẩm, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

- Đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống; kiểm soát, xử lý việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, kém chất lượng theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 19/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng. Chấn chỉnh hoạt động quảng cáo theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ

- Thông qua việc thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vi phạm về ATTP, hạn chế ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP.

2. Yêu cầu:

- Thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các mặt hàng được sử dụng nhiều trong dịp Tết Nguyên đán và trong các Lễ hội như thịt, sản phẩm từ thịt, bia, rượu, cò và đồ uống có cồn, nước giải khát, bánh, mứt, kẹo, rau, củ, quả, phụ gia thực phẩm... và các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Chú trọng kiểm soát những đầu mối sản xuất, nhập khẩu, chợ đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ truyền thống, cơ sở giết mổ, vận chuyển thực phẩm; đồng thời kiểm soát chặt chẽ hoạt động buôn lậu, hàng giả, hàng không bảo đảm chất lượng, hết hạn sử dụng.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP, nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng trong công tác bảo đảm ATTP.

- Triển khai đồng loạt trong toàn tỉnh, bảo đảm đúng tiến độ, theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về VSATTP. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm phối hợp tuyên truyền chính sách, pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành: Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Nghị

định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018...

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG THANH TRA, KIỂM TRA

1. Đối tượng

1.1. Đối tượng thanh tra, kiểm tra là các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố, tập trung vào những cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Canh Tý và các Lễ Hội như thịt và các sản phẩm từ thịt, bia, rượu, cốm và đồ uống có cồn, nước giải khát, bánh, mứt, kẹo, rau, củ, quả, phụ gia thực phẩm v.v... và các cơ sở dịch vụ ăn uống. Trong đó các đoàn của tỉnh tập trung thanh tra, kiểm tra những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm với số lượng lớn, các chợ đầu mối, siêu thị, trung tâm thương mại. Đối với các cơ sở thực phẩm vừa và nhỏ, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống chủ yếu do các đoàn của cấp huyện/thành phố và cấp xã/phường thực hiện.

1.2. Đối với công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm: Trong quá trình thanh tra, kiểm tra các đoàn thanh tra, kiểm tra của tuyến trên sẽ làm việc với BCD liên ngành VSATTP của tuyến dưới để nắm bắt tình hình công tác bảo đảm ATTP trong dịp Tết Canh Tý và mùa Lễ Hội Xuân năm 2020 tại địa phương; việc triển khai các biện pháp quản lý ATTP và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra.

2. Nội dung

a. Đối với các BCD và cơ quan quản lý nhà nước:

- Việc tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP các cấp.
- Việc lập kế hoạch và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý và mùa Lễ hội Xuân 2020.
- Việc triển khai các quy định về đảm bảo ATTP tại địa phương. Đánh giá công tác quản lý đối với các sản phẩm, nhóm sản phẩm và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm quy định tại các Phụ lục II, III, IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và quy định tại các Điều 36, 37, 38, 39, 40 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ. Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ATTP của UBND tỉnh đã ban hành.
- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.
- Hoạt động mô hình điểm an toàn thực phẩm, chuỗi thực phẩm an toàn theo điều kiện đặc thù của từng địa phương, theo chỉ đạo của các Sở, ngành hữu quan.

b. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

- Nội dung thanh tra về an toàn thực phẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 67 Luật An toàn thực phẩm;
- Nội dung kiểm tra về an toàn thực phẩm thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70 Luật An toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Y

tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và Liên Bộ ban hành;

III. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

Các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP của các cấp thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành và chuyên ngành, tiến hành thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại cơ quan quản lý, cơ sở thực phẩm. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra các đoàn thực hiện theo quy trình chung tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra trong đó chú trọng:

- + Nghe báo cáo việc chấp hành các quy định bảo đảm ATTP của cơ sở;
- + Thu thập tài liệu liên quan;
- + Kiểm tra thực tế tại cơ sở thực phẩm, sản phẩm thực phẩm;
- + Lấy mẫu để kiểm nghiệm xác định các chỉ tiêu ATTP;
- + Lập biên bản thanh tra, kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có);
- + Phân tích, đánh giá hồ sơ liên quan ATTP;
- + Phân tích, đánh giá kết quả kiểm nghiệm để hoàn thành báo cáo.

Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra, các đoàn tiến hành nhận xét, đánh giá việc thực hiện quy định về bảo đảm ATTP của cơ sở và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý.

IV. XỬ LÝ VI PHẠM

1. Các căn cứ để xử lý vi phạm

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội khóa 12;

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;

- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

- Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 của Chính phủ về kinh doanh Rượu;

- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo; Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo;

- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng;

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về ghi nhãn;

- Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế Quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 23/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Bộ Y tế quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 14/2011/TT-BYT ngày 01 tháng 4 năm 2011 của Bộ Y tế hướng dẫn lấy mẫu phục vụ thanh tra, kiểm tra về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;

- Thông tư số 12/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2017 Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện xử lý vi phạm

- Các đoàn thanh tra, kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối không để các sản phẩm không bảo đảm ATTP, không rõ nguồn gốc, vi phạm về ghi nhãn hoặc có các vi phạm khác về ATTP lưu thông trên thị trường; ngăn chặn hành vi quảng cáo thực phẩm vi phạm; không để các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố không bảo đảm ATTP tiếp tục hoạt động khi chưa thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm, khi cần thiết các đoàn của tuyến trên có thể chuyển hồ sơ vi phạm cho cơ quan chức năng của địa phương nơi có cơ sở được thanh tra, kiểm tra để xử lý theo quy định.

V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra

1.1 Tại Tỉnh: UBND tỉnh giao Sở Y tế phối hợp với Sở Nông nghiệp&PTNT, Sở Công thương và các cơ quan có liên quan thành lập 03 đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành để thực hiện, mời đại diện Mặt trận Tổ quốc tham gia kiểm tra theo Chương trình phối hợp vận động và giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ký ngày 30/3/2016

Đoàn số 1: Sở Y tế chủ trì, thành viên đoàn gồm: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Thanh tra Y tế, Cục Quản lý thị trường, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh, mời Mặt trận tổ quốc tỉnh. Địa bàn kiểm tra gồm: **TP. Nam Định, Huyện Nghĩa Hưng.**

Đoàn số 2: Sở Nông nghiệp & PTNT chủ trì, thành viên đoàn gồm: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Cục Quản lý thị trường, Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh, mời Mặt trận tổ quốc tỉnh. Địa bàn kiểm tra gồm: **Huyện Xuân Trường, Huyện Trực Ninh.**

Đoàn số 3: Sở Công thương chủ trì, thành viên đoàn gồm: Phòng Kỹ thuật An toàn môi trường, Cục Quản lý Thị trường, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, mời Mặt trận tổ quốc tỉnh. Địa bàn kiểm tra gồm: **Huyện Ý Yên, Huyện Hải Hậu.**

1.2. Tại các địa phương, căn cứ kế hoạch triển khai công tác Bảo đảm An toàn thực phẩm Tết Canh Tý và mùa Lễ Hội Xuân năm 2020 và các văn bản hướng dẫn:

+ Xây dựng kế hoạch kiểm tra trong dịp Tết Canh Tý và mùa Lễ Hội Xuân năm 2020 trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt và triển khai thực hiện.

+ Chuẩn bị nội dung báo cáo của địa phương với các Đoàn của tỉnh.

+ Tổ chức các đoàn kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Canh Tý và mùa Lễ Hội Xuân năm 2020.

+ Phối hợp với các Đoàn liên ngành của tỉnh thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về đảm bảo ATTP.

2. Lấy mẫu kiểm nghiệm

- Tại tuyến tỉnh: Việc lấy mẫu và chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm do Trưởng đoàn quyết định trên cơ sở căn cứ tình hình thực tế tại cơ sở được thanh tra, kiểm tra. Chi cục ATVSTP cử cán bộ lấy mẫu. Kinh phí phục vụ lấy mẫu, kiểm nghiệm mẫu từ kinh phí Chương trình mục tiêu y tế - dân số được cấp cho các ngành.

- Tại các địa phương: Tùy theo tình hình thực tế, Trưởng đoàn quyết định cụ thể việc lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu phục vụ công tác kiểm tra.

3. Tiến trình thực hiện

- Trước ngày 15/12/2019: BCĐLNVSATTP các cấp xây dựng kế hoạch và thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành.

- Từ ngày 15/12/2019 các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành các cấp tiến hành thanh tra, kiểm tra tại địa bàn được phân công, quản lý.

4. Báo cáo kết quả

Các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành các cấp báo cáo nhanh kết quả thanh tra, kiểm tra và báo cáo tổng hợp kết quả đợt thanh tra, kiểm tra về UBND tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP tỉnh (qua Chi cục An toàn VSTP tỉnh - số 01 Trần Đăng Ninh, TP. Nam Định; Email: attpnamdinh@gmail.com, để tổng hợp).

- Thời gian báo cáo nhanh trước ngày 10/01/2020; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt thanh tra, kiểm tra Tết Nguyên đán trước ngày 10/02/2020 (*theo mẫu 2*).

- Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra mùa lễ hội Xuân trước ngày 25/3/2020.

VI. BẢO ĐẢM KINH PHÍ

1. Kinh phí

Công tác phí của các thành viên đoàn thanh, kiểm tra do cơ quan cử cán bộ tham gia tự bảo đảm theo quy định hiện hành của nhà nước.

2. Phương tiện đi lại:

Trưởng Đoàn thuộc cơ quan nào thì sử dụng phương tiện của cơ quan đó để đảm bảo cho đoàn thanh, kiểm tra đi lại trong khu vực tỉnh, huyện mà đoàn được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra./.

BÁO CÁO

**Kết quả thanh tra, kiểm tra trong dịp tết Canh Tý và các mùa Lễ Hội Xuân năm 2020
do địa phương thực hiện**

I. Công tác chỉ đạo: (nêu cụ thể)

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm (không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành tỉnh thực hiện và báo cáo):

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra:

Trong đó:

1.1 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến tỉnh:

1.2 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện:

1.3 Số đoàn kiểm tra tuyến xã:

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất, chế biến				
2	Kinh doanh				
3	Dịch vụ ăn uống				
	Tổng số (1 + 2 + 3)				

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
	Trong đó:		
3.1	Hình thức phạt chính:		
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		

	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở			
2	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ			
3	Điều kiện về con người			
4	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm/công bố hợp quy/phù hợp quy định an toàn thực phẩm/ Bản tự công bố sản phẩm/ đăng ký Bản công bố sản phẩm			
5	Ghi nhãn thực phẩm			
6	Quảng cáo thực phẩm			
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
8	Vi phạm khác (ghi rõ)			

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm nhanh			
2	Xét nghiệm tại labo			
2.1	Hóa lý			
2.2	Vi sinh			
	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung

Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 - 4.

IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể).